

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/DSST

Ngày 01 tháng 02 năm 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Ngô Bích Liên**

2. Ông **Trần Đức Lưu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Sơn**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2023/TLST – DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 475/2023/QĐST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng A**. Trụ sở: Phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: bà Trịnh Thị Thanh H, chức vụ: Giám đốc trung tâm thu hồi nợ (theo Văn bản ủy quyền số 62/2023/UQ-CTHĐQT ngày 02/8/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị); Bà H ủy quyền lại cho ông Lý Viết T, ông Ngô Hoàng A, bà Phạm Tuyết M (theo Văn bản ủy quyền số 1448./2023/UQ-RCC-TCNMKHCN ngày 10/10/2023 của A). Ông T có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Trịnh Xuân L**; Sinh năm 1988; HKTT: phường Đ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ông L có vắng mặt lần thứ 2 không có lý do tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - Ngân hàng A do người đại diện theo ủy quyền là ông Lý Viết T trình bày:**

Ngày 18/4/2020, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân

hàng điện tử: Hạn mức cho vay: 63,000,000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng, ngày giải ngân vay vốn 18/4/2020. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn tính theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm cho vay. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc thẻ và bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 23/11/2022, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614: Hạn mức cho vay: 50,000,000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng, ngày giải ngân vay vốn 23/11/2022. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn: 24%/năm; Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc thẻ và bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 23/11/2022, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961: Hạn mức cho vay: 100,000,000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng, ngày giải ngân vay vốn 23/11/2022. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn 24%/năm; Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc thẻ và bằng 150% lãi suất trong hạn.

Trong thời gian ký các hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho Ông L tổng số tiền: 180.600.000 đồng và Ông L đã trả được những khoản sau: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020, Ông L đã trả số tiền gốc 211,928 đồng; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022, Ông L trả số tiền gốc 2,456,148 đồng và lãi 1,480,401 đồng; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022, Ông L trả số tiền gốc 1,205,969 đồng và lãi 726,874 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trịnh Xuân L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với A, theo đó các khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, gia hạn tạo điều kiện nhưng Ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 5 của Xác nhận và cam kết của khách hàng), Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 5 của Xác nhận và cam kết của khách hàng). Tạm tính đến ngày 01/02/2024, Ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là: 279,095,545 đồng, trong đó nợ gốc: 208,225,955 đồng; Nợ lãi trong hạn: 61,229,157 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9,640,433 đồng. Cụ thể:

- Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020: Nợ gốc: 62,788,072 đồng; Nợ lãi trong hạn: 28,516,119 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1,236,511 đồng; Tổng cộng: 92,540,702 đồng.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022: Nợ gốc: 47,894,031; Nợ lãi trong hạn: 10,772,705 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2,767,479 đồng; Tổng cộng: 61,434,215 đồng.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961: Nợ

gốc: 97,543,852; Nợ lãi trong hạn: 21,940,333; Nợ lãi quá hạn: 5,636,443 đồng; Tổng cộng: 125,120,628 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Ông L, yêu cầu Ông L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để Ông L trả nợ, tuy nhiên Ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản qui định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với các nội dung sau:

1. Buộc ông Trịnh Xuân L trả cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 01/02/2024 là: 279,095,545 đồng, trong đó nợ gốc: 208,225,955 đồng; Nợ lãi trong hạn: 61,229,157 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9,640,433 đồng theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kèm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kèm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

2. Ông Trịnh Xuân L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/02/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kèm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kèm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà cho bị đơn. Tuy nhiên bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, vì vậy Toà án không tiến hành hoà giải cho nguyên đơn và bị đơn được. Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 BLTTDS, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Ông Trịnh Xuân L có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Phường Đ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định về thẩm quyền.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

- + Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- + Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A; Buộc ông Trịnh Xuân L phải cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 01/02/2024 là: 279,095,545 đồng, trong đó nợ gốc: 208,225,955 đồng; Nợ lãi trong hạn: 61,229,157 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9,640,433 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

Tiếp tục tính lãi thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02/02/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Xuân L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch

theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trịnh Xuân L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành tố tụng giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt ông Trịnh Xuân L.

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022 giữa Ngân hàng A và ông Trịnh Xuân L, mục đích mở thẻ tín dụng tiêu dùng cá nhân. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Trịnh Xuân L đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Phường Đ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, do ông Trịnh Xuân L không thanh toán được khoản nợ cho A khi đến hạn trả nợ. Do vậy, A đã khởi kiện Ông L đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Ông L phải thanh toán trả A toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Ngày 18/4/2020, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử; Ngày 23/11/2022, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614; Ngày 23/11/2022, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 (các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với A. Do đó, ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sang nợ quá hạn. Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này không thuộc trường hợp phải áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Ngày 18/4/2020, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 63,000,000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Tín chấp.

Ngày 23/11/2022, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 50,000,000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Tín chấp.

Ngày 23/11/2022, ông Trịnh Xuân L và Ngân hàng A có ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Ông L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 100,000,000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Biện pháp đảm bảo cho khoản vay: Tín chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân cho Ông L tổng số tiền: 180.600.000 đồng và Ông L đã trả được những khoản sau: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020, Ông L đã trả số tiền gốc 211,928 đồng; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022, Ông L trả số tiền gốc 2,456,148 đồng và lãi 1,480,401 đồng; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022, Ông L trả số tiền gốc 1,205,969 đồng và lãi 726,874 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022 giữa Ngân hàng A và ông Trịnh Xuân L được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng A. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện buộc Ông L phải thanh toán cho ngân hàng số

tiền còn nợ tạm tính đến ngày 01/02/2024 là: 279,095,545 đồng, trong đó nợ gốc: 208,225,955 đồng; Nợ lãi trong hạn: 61,229,157 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9,640,433 đồng, cụ thể:

- Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020: Nợ gốc: 62,788,072 đồng; Nợ lãi trong hạn: 28,516,119 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1,236,511 đồng; Tổng cộng: 92,540,702 đồng.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022: Nợ gốc: 47,894,031; Nợ lãi trong hạn: 10,772,705 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2,767,479 đồng; Tổng cộng: 61,434,215 đồng.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961: Nợ gốc: 97,543,852; Nợ lãi trong hạn: 21,940,333; Nợ lãi quá hạn: 5,636,443 đồng; Tổng cộng: 125,120,628 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua đối chiếu nhận thấy cách tính lãi, phí chậm thanh toán của các bên theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022 của Ngân hàng A phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bị đơn ông Trịnh Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Căn cứ Điều 345; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

- Xác nhận ông Trịnh Xuân L còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc và lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022 của Ngân hàng A với tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/02/2024 là: **279,095,545** (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi chín triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc: **208,225,955** (Bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi lăm) đồng; Nợ lãi trong hạn: **61,229,157** (Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, hai trăm hai mươi chín đồng, một trăm năm mươi bảy nghìn) đồng; Nợ lãi quá hạn: **9,640,433** (Bằng chữ: Chín triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm ba mươi ba) đồng, cụ thể:

- Đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020: Nợ gốc: **62,788,072** (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi tám, không trăm bảy mươi hai) đồng; Nợ lãi trong hạn: **28,516,119** (Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, năm trăm mười sáu nghìn, một trăm mười chín) đồng; Nợ lãi quá hạn: **1,236,511** (Bằng chữ: Một triệu, Hai trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm mười một) đồng; Tổng cộng: **92,540,702** (Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm linh hai) đồng.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022: Nợ gốc: **47,894,031** (Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi tư nghìn, không trăm ba mốt) đồng; Nợ lãi trong hạn: **10,772,705** (Bằng chữ: Mười triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm linh lăm) đồng; Nợ lãi quá hạn: **2,767,479** (Bằng chữ: Hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi chín) đồng; Tổng cộng: **61,434,215** (Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu, Bốn trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm mười lăm) đồng.

- Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961: Nợ gốc: **97,543,852** (Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu, năm trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm năm mươi hai) đồng ; Nợ lãi trong hạn: **21,940,333** (Bằng chữ: Hai mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng; Nợ lãi quá hạn: **5,636,443** (Bằng chữ: Năm triệu, sáu trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi ba) đồng;

Tổng cộng: **125,120,628** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn, sáu trăm hai mươi tám) đồng.

2. Buộc ông Trịnh Xuân L thanh toán trả cho Ngân hàng A với tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/02/2024, cụ thể như sau: Nợ gốc **208,225,955** (Bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi lăm) đồng; Nợ lãi trong hạn: **61,229,157** (Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, một trăm năm mươi bảy) đồng; Nợ lãi quá hạn: **9,640,433** (Bằng chữ: Chín triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm ba mươi ba) đồng. Tổng cộng: **279,095,545** (Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi chín triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm bốn mươi lăm) đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022 của Ngân hàng A.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Trịnh Xuân L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 18/4/2020; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227529614 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211227519961 ngày 23/11/2022 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này giữa các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trịnh Xuân L phải chịu **13,954,777** (Bằng chữ: Mười ba triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

- Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **6,482,861** (Bằng chữ: Sáu triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004602 ngày 24/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Trường hợp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Bị đơn - ông Trịnh Xuân L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung